Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9001.20.00

Mã HS	9001.20.00
Mô tả hàng hóa	Sợi quang và bó sợi quang; cáp sợi quang trừ các loại thuộc nhóm 85.44; vật liệu phân cực dạng tấm và lá; thấu kính (kể cả thấu kính áp tròng), lăng kính, gương và các bộ phận quang học khác, bằng vật liệu bất kỳ, chưa lắp ráp, trừ loại bằng thủy tinh chưa gia công về mặt quang học / - Vật liệu phân cực dạng tấm và lá
Đơn vị	kg/m/chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 05:52:55
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90012000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17918
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17918
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17918
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17216
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17145
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17145
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17145
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17145
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17145
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17145
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17201
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17201
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17201
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17201

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17201
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17201
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17202
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17202
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17202
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17202
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17202
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17202
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17207
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17163
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17159
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17159
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17159
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17159
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17159
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17159
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17205
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17205
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17205
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17205
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17205
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17205
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17267
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17267
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17267
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17267

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17267
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17267
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D17243
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E17243
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F17243
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G17243
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H17243
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I17243
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17238
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17238
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17238
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17238
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17238
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17238
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17268
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17268
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17268
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17268
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17268
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17268
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17267
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17267
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17267
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17267
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17267
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17267

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17361
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17361
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17361
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17361
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17361
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17361
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17361
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17230
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17230
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17230
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17230
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17230
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17230
RCEP B	2022	2022	0	B!D17230
RCEP B	2023	2023	0	B!E17230
RCEP B	2024	2024	0	B!F17230
RCEP B	2025	2025	0	B!G17230
RCEP B	2026	2026	0	B!H17230
RCEP B	2027	2027	0	B!I17230
RCEP C	2022	2022	0	C!D17228
RCEP C	2023	2023	0	C!E17228
RCEP C	2024	2024	0	C!F17228
RCEP C	2025	2025	0	C!G17228
RCEP C	2026	2026	0	C!H17228
RCEP C	2027	2027	0	C!I17228
RCEP D	2022	2022	0	D!D17227

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17227
RCEP D	2024	2024	0	D!F17227
RCEP D	2025	2025	0	D!G17227
RCEP D	2026	2026	0	D!H17227
RCEP D	2027	2027	0	D!I17227
RCEP E	2022	2022	0	E!D17231
RCEP E	2023	2023	0	E!E17231
RCEP E	2024	2024	0	E!F17231
RCEP E	2025	2025	0	E!G17231
RCEP E	2026	2026	0	E!H17231
RCEP E	2027	2027	0	E!I17231
RCEP F	2022	2022	0	F!D17230
RCEP F	2023	2023	0	F!E17230
RCEP F	2024	2024	0	F!F17230
RCEP F	2025	2025	0	F!G17230
RCEP F	2026	2026	0	F!H17230
RCEP F	2027	2027	0	F!I17230
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16160
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16160
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16160
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16160

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9001.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9001.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17918), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.